

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 10.09.2019  
Phiên bản 1.9

## Phần 1. Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

### 1.1 Định dạng sản phẩm

Số Danh Mục	100165
Tên sản phẩm	Boric acid for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur
REACH Số Đăng ký	Không có số đăng ký cho chất này vì chất này hoặc cách sử dụng của nó được miễn đăng ký theo Mục 2 Quy Định REACH (EC) Số 1907/2006, số lượng hàng hóa hàng năm không yêu cầu đăng ký hoặc đăng ký được xem xét vào thời hạn
Số CAS	10043-35-3

### 1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo	Thuốc thử để phân tích, Sản xuất hóa chất Để biết thêm thông tin về cách sử dụng, hãy tham khảo cổng thông tin Các hóa chất của Merck ( <a href="http://www.merckgroup.com">www.merckgroup.com</a> ).
--	--

### 1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty	Merck KGaA * D-64271 Darmstadt * Đức* ĐT: +49 61 51 72-0
Đơn vị phụ trách	Cty TNHH Merck Việt Nam Lầu 9, CentrePoint, 106 Nguyễn Văn Trỗi, Q.Phú Nhuận, TP.HCM Thời gian làm việc: Thứ 2 đến thứ 6 (8:00 đến 17:00)
Đại diện khu vực	Cty TNHH Merck Việt Nam Lầu 9, CentrePoint, 106 Nguyễn Văn Trỗi, Q.Phú Nhuận, TP.HCM

### 1.4 Điện thoại khẩn cấp ĐT: +84 8 38420100/ + 84 8 38420117

## Phần 2. Nhận dạng các nguy cơ

### 2.1 Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp Phân loại (Quy định số 1272/2008 (EC))

Độc tích sinh sản, Nhóm 1 B, H360FD  
Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H để cập đến trong mục này, xem mục 16.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục  
Tên sản phẩm

100165  
Boric acid for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur

## 2.2 Các yếu tố nhãn

### Dán nhãn (Quy định số 1272/2008 (EC))

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo  
Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H360FD Có thể gây tổn hại cho sự sinh sản. Có thể gây tổn hại cho thai nhi.

Các lưu ý phòng ngừa

Biện pháp phòng ngừa

P201 Tìm đọc các hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.

Biện pháp ứng phó

P308 + P313 NẾU đã bị hoặc có lo lắng đến phơi nhiễm: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.

Giới hạn cho người sử dụng chuyên nghiệp.

Số CAS 10043-35-3

## 2.3 Các nguy cơ khác

Được biết là chưa xảy ra.

## Phần 3. Thành phần/thông tin về các phụ liệu

### 3.1 Chất

Công thức	H <sub>3</sub> BO <sub>3</sub>	BH <sub>3</sub> O <sub>3</sub> (Hill)
Số EC	233-139-2	
Khối lượng mol	61,83 g/mol	

### Thành phần nguy hiểm (Quy định số 1272/2008 (EC))

Tên hóa học (Nồng độ)

Số CAS Số đăng ký Phân loại

Boric acid (<= 100 %)

PBT/vPvB: Không áp dụng cho các chất vô cơ

10043-35-3 \*)

Độc tích sinh sản, Nhóm 1 B, H360FD

\*) Không có số đăng ký cho chất này vì chất này hoặc cách sử dụng của nó được miễn đăng ký theo Mục 2 Quy Định REACH (EC) Số 1907/2006, số lượng hàng hóa hàng năm không yêu cầu đăng ký hoặc đăng ký được xem xét vào thời hạn

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H để cập đến trong mục này, xem mục 16.

### 3.2 Hỗn hợp

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục  
Tên sản phẩm

100165  
Boric acid for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur

Không áp dụng được

## Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

### 4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Sau khi hít phải: không khí sạch. Gọi bác sĩ.

Trong trường hợp tiếp xúc với da: Cởi bỏ tất cả các quần áo bị nhiễm độc ngay lập tức. Rửa sạch da bằng nước/ tắm. Tham vấn bác sĩ.

Sau khi tiếp xúc với mắt: rửa sạch bằng nhiều nước. Gọi bác sĩ nhãn khoa. Gỡ bỏ kính áp tròng.

Sau khi nuốt vào: cho nạn nhân uống nước ngay lập tức (nhiều nhất hai cốc). Tham vấn bác sĩ.

### 4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm

giảm nhiệt độ, lo âu, co thắt, Tiêu chảy, Buồn nôn, Nôn mửa, Mệt, mất điều hòa (phối hợp vận động kém)

### 4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

Không có thông tin.

## Phần 5. Các biện pháp cứu hỏa

### 5.1 Các phương tiện chữa cháy

*Các phương tiện chữa cháy phù hợp*

Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.

*Các phương tiện chữa cháy không phù hợp*

Đối với chất/hỗn hợp này, không có giới hạn tác nhân dập lửa nào được cung cấp.

### 5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp

Không dễ cháy.

Đám cháy xung quanh có thể giải phóng hơi nguy hiểm.

Hỏa hoạn có thể gây ra sự biến đổi của:

hợp chất bo

### 5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

*Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa*

Chỉ ở trong khu vực nguy hiểm khi có thiết bị hô hấp khép kín. Tránh tiếp xúc với da bằng cách giữ khoảng cách an toàn hoặc bằng cách mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

*Thông tin khác*

Ngăn chặn việc nước chữa cháy gây ô nhiễm cho nguồn nước mặt hoặc hệ thống nước ngầm.

## Phần 6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

### 6.1 Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục  
Tên sản phẩm

100165  
Boric acid for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur

Lời khuyên dành cho nhân viên trong trường hợp không khẩn cấp: Tránh hít bụi. Tránh tiếp xúc với hóa chất. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Sơ tán khỏi khu vực nguy hiểm, quan sát quy trình ứng phó khẩn cấp, tham khảo ý kiến chuyên gia.

Lời khuyên dành cho người ứng cứu khẩn cấp:

Thiết bị bảo hộ xem phần 8.

### 6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

### 6.3 Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch.

Đậy cống. Thu thập, buộc và xả vết tràn. Quan sát các hạn chế về chất có thể (xem các phần 7 và 10). Cẩn cẩn thận. Vứt bỏ đúng cách. Dọn sạch khu vực bị ảnh hưởng. Tránh tạo ra bụi.

### 6.4 Xem các mục khác

Các chỉ dẫn về xử lý chất thải xem phần 13.

---

## Phần 7. Các lưu ý khi thao tác và lưu trữ

### 7.1 Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn với hóa chất

*Các biện pháp phòng ngừa để sử dụng, thao tác an toàn*  
Quan sát các cảnh báo ghi trên nhãn.

Làm việc có mũ bảo hộ. Không hít chất/hỗn hợp.

*Các biện pháp vệ sinh*

Thay ngay quần áo bẩn. Dùng biện pháp bảo vệ da. Rửa tay và mặt sau khi làm việc với hóa chất.

### 7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

*Điều kiện lưu trữ*

Đóng chặt. Khô. Để tại nơi thông gió tốt. Để trong khu vực được khoá kín hoặc ở nơi chỉ có người có thẩm quyền hoặc đủ tiêu chuẩn mới được vào.

Nhiệt độ lưu giữ đề nghị, xem nhãn sản phẩm.

### 7.3 Sử dụng cụ thể

Ngoài các cách sử dụng được đề cập trong phần 1.2, không thấy trước cách sử dụng cụ thể nào khác.

---

## Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

### 8.1 Các thông số kiểm soát

*Boric acid (10043-35-3)*

VN OEL	Giới hạn tiếp xúc ngắn hạn (STEL):	1 mg/m <sup>3</sup>
	Nồng độ bình quân có thể tiếp xúc (TWA):	0,5 mg/m <sup>3</sup>

### 8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục  
Tên sản phẩm

100165  
Boric acid for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur

### Các biện pháp kỹ thuật

Các phương pháp kỹ thuật và thao tác làm việc phù hợp phải được ưu tiên đối với việc sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân.  
Xem phần 7.1.

### Các biện pháp bảo hộ cá nhân

Quần áo bảo hộ cần phải được chọn cụ thể cho nơi làm việc, tùy vào nồng độ và lượng hóa chất nguy hiểm được xử lý. Phải yêu cầu thiết bị bảo vệ chống hóa chất tại nhà cung cấp tương ứng.

#### *Bảo vệ mắt/mặt*

Kính bảo hộ

#### *Bảo vệ tay*

tiếp xúc hoàn toàn:

Chất liệu găng tay:	Cao su nitrile
Độ dày của găng:	0,11 mm
Thời gian thấm:	> 480 min

tiếp xúc một lượng nhỏ:

Chất liệu găng tay:	Cao su nitrile
Độ dày của găng:	0,11 mm
Thời gian thấm:	> 480 min

Găng tay bảo hộ được sử dụng phải tuân theo các thông số của Chỉ thị EC 89/686/EEC và EN374 chuẩn có liên quan chẳng hạn KCL 741 Dermatril® L (tiếp xúc hoàn toàn), KCL 741 Dermatril® L (tiếp xúc một lượng nhỏ).

Số lần thủng được nêu ở trên được xác định bằng KCL trong các thử nghiệm trong phòng thí nghiệm theo EN374 với các mẫu về loại găng tay được đề xuất.

Đề xuất này chỉ áp dụng cho sản phẩm được nêu trong tờ dữ liệu an toàn, do chúng tôi cung cấp và cho mục đích sử dụng được chỉ định. Khi hòa tan hoặc trộn với các hóa chất khác và trong các điều kiện sai khác với các

#### *Thiết bị bảo hộ khác*

quần áo bảo hộ

#### *Bảo vệ hô hấp*

bắt buộc khi có bụi.

Loại bộ lọc đề xuất: Bình lọc P 3 (theo DIN 3181) cho các thành phần rắn và lỏng của các hóa chất độc và rất độc

Công ty phải đảm bảo rằng việc bảo trì, lau chùi và kiểm tra thiết bị bảo vệ hô hấp được tiến hành theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Các phương pháp này phải được lập thành tài liệu đúng cách.

### Kiểm soát phơi nhiễm môi trường

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

## Phần 9. Các tính chất vật lý và hóa học

### 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học

Hình thể	rắn
Màu sắc	màu trắng

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 100165  
Tên sản phẩm Boric acid for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur

---

Mùi đặc trưng	không mùi
Ngưỡng mùi	Không áp dụng được
Độ pH	3,8 - 4,8 ở 33 g/l 20 °C
Điểm nóng chảy	Không áp dụng được, (sự phân hủy)
Điểm sôi	Không có thông tin.
Điểm chớp cháy	Không áp dụng được
Tỷ lệ hóa hơi	Không có thông tin.
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	Sản phẩm không dễ cháy. Tính dễ cháy (các chất rắn)
Giới hạn dưới của cháy nổ	Không áp dụng được
Giới hạn trên của cháy nổ	Không áp dụng được
Áp suất hóa hơi	< 1 Pa ở 25 °C Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 104
Tỷ trọng hơi tương đối	Không có thông tin.
Mật độ	1,489 g/cm <sup>3</sup> ở 23 °C Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 109
Tỷ trọng tương đối	Không có thông tin.
Tính tan trong nước	49,2 g/l ở 20 °C Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 105
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	log Pow: -1,09 (22 °C) Hướng dẫn xét nghiệm OECD 107 Hiện tượng tích tụ sinh học không được mong đợi.
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin.
Nhiệt độ phân hủy	70 °C
Độ nhớt, động lực	Không có thông tin.
Đặc tính cháy nổ	Không được phân loại là dễ nổ.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	100165
Tên sản phẩm	Boric acid for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur

---

Đặc tính ôxy hóa không

## 9.2 Các dữ liệu khác

Nhiệt độ bốc cháy không dễ cháy

Mật độ lớn Khoảng 400 - 600 kg/m<sup>3</sup>

---

## Phần 10. Tính ổn định và tính phản ứng

### 10.1 Khả năng phản ứng

Xem phần 10.3.

### 10.2 Tính ổn định hóa học

hút ẩm

### 10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

Rủi ro nổ với:

Anhydrit axetic

Có thể phản ứng mạnh với:

tác nhân oxi hóa mạnh, Bazơ

### 10.4 Các điều kiện cần tránh

không có thông tin

### 10.5 Các vật liệu xung khắc

không có thông tin

### 10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

không có thông tin

---

## Phần 11. Thông tin độc học

### 11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

*Độc tính cấp theo đường miệng*

LD50 Chuột: 3.450 - 4.080 mg/kg

(ECHA)

*Độc tính cấp do hít phải*

LC50 Chuột: > 2,03 mg/l; 4 h ; bụi / hơi sương

Hướng dẫn xét nghiệm OECD 403

(nồng độ cao nhất cần điều chế)

*Độc tính cấp qua da*

LD50 Thỏ: > 2.000 mg/kg

(ECHA)

---

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục  
Tên sản phẩm

100165  
Boric acid for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur

---

## *Kích ứng da*

Thỏ

Kết quả: Không gây kích ứng da

(ECHA)

## *Kích ứng mắt*

Thỏ

Kết quả: Kích ứng nhẹ

Hướng dẫn xét nghiệm OECD 405

## *Nhạy cảm*

Thử nghiệm Buehler Chuột lang

Kết quả: Âm tính

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 406

## *Biến đổi tế bào gốc*

### *Độc tính gây đột biến gen trong cơ thể*

Thử nghiệm nhân con trên cơ thể sống (In vivo micronucleus test)

Chuột nhắt

Đực và cái

bằng miệng

Kết quả: Âm tính

Phương pháp: Nguyên Tắc Kiểm Tra OECD 474

### *Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm*

Xét nghiệm Ames

Salmonella typhimurium

Kết quả: Âm tính

Phương pháp: Nguyên Tắc Kiểm Tra OECD 471

Chất gây đột biến (kiểm tra tế bào động vật có vú):

Thử nghiệm ung thư hạch bạch huyết trên chuột

Kết quả: Âm tính

Phương pháp: Nguyên Tắc Kiểm Tra OECD 476

Chất gây đột biến (kiểm tra tế bào động vật có vú):

các tế bào trứng của chuột đồng Trung quốc

Kết quả: Âm tính

Phương pháp: Nguyên Tắc Kiểm Tra OECD 482

### *Độc tính gây ung thư*

Thông tin này không có sẵn.

### *Độc tính đối với sinh sản*

Thông tin này không có sẵn.

### *Độc tính gây quái thai*

Thông tin này không có sẵn.

### *Ảnh hưởng CMR*

Độc tính đối với sinh sản:

Có thể gây tổn hại cho sự sinh sản. Có thể gây tổn hại cho thai nhi.

### *Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ)*

Thông tin này không có sẵn.



# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục  
Tên sản phẩm

100165  
Boric acid for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur

*Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần*  
Thông tin này không có sẵn.

*Nguy cơ hô hấp*  
Thông tin này không có sẵn.

## 11.2 Thông tin khác

Sau khi hấp thụ lượng lớn:  
Nôn mửa, Buồn nôn, Tiêu chảy, lo âu, co thắt, Mệt, mất điều hòa (phối hợp vận động kém), giảm nhiệt độ  
Không loại trừ các đặc tính nguy hiểm khác  
Chất này phải được xử lý một cách đặc biệt thận trọng.

## Phần 12. Thông tin sinh thái học

### 12.1 Độc tính

*Độc đối với cá*

Thử nghiệm chảy LC50 *Oncorhynchus mykiss* (cá hồi cầu vồng): 79 mg/l; 96 h  
(Cơ sở dữ liệu ECOTOX)

*Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác*  
Thử nghiệm tnh EC50 *Daphnia magna* (Bọ nước): 133 mg/l; 48 h  
(Cơ sở dữ liệu ECOTOX)

*Độc đối với tảo*

Thử nghiệm tnh EC50 *Pseudokirchneriella subcapitata* (tảo lục): 52,4 mg/l; 74,5 h

Giám sát phân tích: có  
Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201

*Độc đối với cá (Tính độc mãn tính)*

Thử nghiệm bán tnh NOEC *Danio rerio* (cá vằn): 6,4 mg/l; 34 d

Nguyên Tắc Kiểm Tra OECD 210

*Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác (Tính độc mãn tính)*

Thử nghiệm bán tnh NOEC *Daphnia magna* (Bọ nước): 34,2 mg/l; 21 d

Nguyên Tắc Kiểm Tra OECD 211

### 12.2 Tính bền vững và phân hủy

*Tính phân hủy sinh học*

Phương pháp xác định khả năng phân hủy sinh học không được áp dụng cho các chất vô cơ

### 12.3 Tiềm năng tích lũy sinh học

*Hệ số phân tán: n-octanol/nước*

log Pow: -1,09 (22 °C)

Hướng dẫn xét nghiệm OECD 107

Hiện tượng tích tụ sinh học không được mong đợi.

### 12.4 Tính biến đổi trong đất

Không có thông tin.

### 12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB

PBT/vPvB: Không áp dụng cho các chất vô cơ

### 12.6 Các ảnh hưởng có hại khác

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục  
Tên sản phẩm

100165  
Boric acid for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur

*Các thông tin sinh thái khác*  
Cần tránh thải loại vào môi trường.

---

### Phần 13. Các lưu ý về tiêu hủy

*Các phương pháp xử lý chất thải*

Rác thải phải được vớt bỏ theo các quy định của địa phương và nhà nước. Để nguyên hóa chất trong hộp đựng ban đầu. Không để lẫn với rác thải khác. Xử lý các hộp đựng bần giống như xử lý sản phẩm.

Xem [www.retrologistik.com](http://www.retrologistik.com) để biết quy trình về việc trả lại hóa chất và bình chứa hoặc liên hệ với chúng tôi nếu có câu hỏi nào khác.

---

### Phần 14. Thông tin vận chuyển

#### Vận tải mặt đất (ADR/RID)

**14.1 - 14.6** Không bị xếp vào loại nguy hiểm hiệu theo các quy định về vận tải.

#### Vận tải đường thủy nội địa (ADN)

Không liên quan

#### Vận tải đường không (IATA)

**14.1 - 14.6** Không bị xếp vào loại nguy hiểm hiệu theo các quy định về vận tải.

#### Vận tải đường biển (IMDG)

**14.1 - 14.6** Không bị xếp vào loại nguy hiểm hiệu theo các quy định về vận tải.

#### 14.7 Vận chuyển khối lượng lớn theo như Phụ lục II của MARPOL 73/78 và luật IBC

Không liên quan

---

### Phần 15. Thông tin pháp luật

#### 15.1 Các quy định/luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

*Luật pháp quốc gia*  
Lớp cất giữ

6.1 D

#### 15.2 Đánh giá An toàn Hóa chất

Đã tiến hành Đánh giá An toàn Hóa chất cho chất này.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục  
Tên sản phẩm

100165  
Boric acid for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur

## Phần 16. Các thông tin khác

### Nội dung chi tiết của Bảng kê H có liên quan đến mục 2 và 3.

H360FD Có thể gây tổn hại cho sự sinh sản. Có thể gây tổn hại cho thai nhi.

### Tư vấn về đào tạo

Cung cấp đầy đủ thông tin, chỉ dẫn và đào tạo cho người sử dụng.

### Dán nhãn

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo  
Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm  
H360 Có thể gây tổn hại cho sự sinh sản hoặc thai nhi.

### Các lưu ý phòng ngừa

Biện pháp phòng ngừa

P201 Tìm đọc các hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.

Biện pháp ứng phó

P308 + P313 NẾU đã bị hoặc có lo lắng đến phơi nhiễm: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.

Thông tin khác

Giới hạn cho người sử dụng chuyên nghiệp.

### Chú thích đối với các từ viết tắt sử dụng trong Bảng dữ liệu an toàn

Có thể tìm từ viết tắt và cụm từ viết tắt tại <http://www.wikipedia.org>.

*Thông tin có ở đây dựa trên vốn kiến thức hiện tại của chúng tôi. Thông tin mô tả sản phẩm liên quan đến các biện pháp an toàn phù hợp. Thông tin không tuyên bố sự đảm bảo về bất kỳ đặc điểm nào của sản phẩm.*

Cảnh xú# dựng th#ng hiệ# ở ầ# trang v#/#hoặc ch#o# trang của t#o# liệ# n#o# c# thể tạm thời kh#g ph# hợp trực quan với sản phẩm. ặ#ợc mua khi ch#o# t#o# chuyển ổi th#ng hiệ# của mình. Tuy nhiên, tất cả thông tin trong t#o# liệ# li#o# quan ến sản phẩm vẫn kh#g thay ổi v# ph# hợp với sản phẩm. ặ#ợc ặt h#o#g. ể biết th#o# th#g# tin xin vui lòng liên hệ [mlsbranding@sial.com](mailto:mlsbranding@sial.com).